

Từ một câu trong Pháp bảo đàn kinh giải đến một chữ trong Truyện Kiều

ISSN: 2734-9195

10:30 17/09/2025

Việc một số nhà nghiên cứu “chê bai” Kinh bản vì đã sửa nguyên tác của Nguyễn Du là một định kiến sai lầm vì họ hoàn toàn không nghĩ đến khả năng chính Nguyễn Du đã sửa Truyện Kiều trong giai đoạn làm việc ở kinh đô.

Tác giả: **NNC Phan Anh Dũng** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Để bắt đầu xin giới thiệu câu Truyện Kiều đó:

Về câu 898 trong Truyện Kiều

Chúng tôi xin dẫn 5 bản Kiều Nôm phổ thông mà Nomfoundation (Hội bảo tồn di sản chữ Nôm) đã đưa lên mạng(3).

1. Bản LNP 1870:

極茹旦餒瀕鉢碎時

- Cực nhà đến nỗi gần vào tôi người

2. Bản LVĐ 1866:

室如旦沒(鎮)鉢碎時

- Trát như đến nỗi gần vào tôi người.

3. Bản LVĐ 1871:

室如旦沒(鎮) 鉢碎時

- Trát như đến nỗi gần vào tôi người.

Gs Nguyễn Quảng Tuân phiên là Rấp như đến đổi dẫn vào tôi người. Nhưng chúng tôi cho rằng như 如 và như 洳 ở hai bản LVD đều là khắc sai từ chữ nhà 茄, vì cùng một nhà in cùng một câu một chữ mà khắc cũng không thống nhất, thêm nữa trong câu này chữ dẫn dùng chữ trấn 鎮 ghi âm mà hai bản LVD cũng đều khắc không chuẩn, nhìn như là 窒, nên không thể tin cậy hoàn toàn vào bản Nôm này, vì vậy chúng tôi xin phiên là: Trất nhà đến nỗi giấn vào tôi người.

4. Bản DMT 1872:

窒茄旦綬鎮鉞的碎

- Trất nhà đến nỗi giấn vào người tôi.

Chú ý bản này chữ khắc cũng không chuẩn nên chữ người ???? khắc như là chữ đích 的.

5. Bản KOM 1902 :

極茄旦綬鎮鉞碎盃

- Cực nhà đến nỗi giấn vào tôi người.

Bản LVD 1871- chữ trất như có gạch đỏ.

Chốt lại chữ đầu câu ở các bản phùng LVD và bản DMT 1872 là trất 窒, còn hai bản thuộc hệ “kinh bản” là LNP 1870 và KOM 1902 thì sửa là cực 極.



Điều gây khó khăn chính là ý nghĩa của chữ Nôm “trất”, Giáo sư Nguyễn Tài Cẩn trong công trình “Tư liệu Truyện Kiều: Thử tìm hiểu bản sơ thảo Đoạn trường tân thanh”- Nhà xuất bản Giáo dục-2008, cho rằng “ba bản 1871, 1872, 1879 đều khắc chữ TRẮT Hán Việt với nghĩa là “bé tắc”, “mắc vướng”. Chúng tôi cho ý nghĩa này khá ăn khớp, nên cứ đọc TRẮT”.

Trắt chắc là một từ Nôm cổ mà đến khoảng giữa thế kỷ 19 đã hiếm sử dụng, ít người hiểu, nên bản LNP 1870 đã sửa là “cực” (khó khăn, cực khổ), còn bản quốc ngữ Trương Vĩnh Ký (1875) và A des Michels 1884 thì sửa phiên âm ra “rấp” (còn đọc là róp hay dóp hay gióp, nghĩa là nhà đang có nạn hay có gióp gặp nạn)... cho dễ hiểu.

Gần đây khi khảo sát chữ Nôm ở bản Pháp bảo đàn kinh giải chúng tôi bất ngờ phát hiện ra ở trang 2a quyển 1, trong câu mà Lục Tổ Huệ Năng nói về gia cảnh nhà mình, câu chữ Hán là: 艱辛貧乏於市賣柴 - Gian tân bần phạp ư thị mại sài, nghĩa là khổ cực nghèo khó(4), ở chợ bán củi. Phần chữ Nôm thì giải là :

- Trật cực khó khăn hằng bán củi chợ.

Như vậy trật cực là một từ Nôm mà Minh Châu Hương Hải đã dùng để dịch từ Hán gian tân (khó khăn, cực khổ), trong từ đó hai thành phần trật và cực là từ gần nghĩa, bổ nghĩa cho nhau.

Từ đây suy ra chữ trất 窒 ở câu 898 Truyện Kiều như vậy chắc cũng nghĩa là khó khăn, cực khổ, chỉ khác trật 秩 một chút về thanh điệu (thực ra âm pinyin của 窒 và 秩 đều là zhi4 tức người Trung Quốc đọc thanh nặng, cả hai chữ đồng âm trật).

Chú ý rằng Pháp bảo đàn kinh giải có niên đại khoảng cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18 tức là trước Truyện Kiều của Nguyễn Du khoảng 1 thế kỷ, vì nhóm GS Nguyễn Tài Cẩn, Ngô Đức Thọ... cho là Truyện Kiều hoàn thành phần cơ bản trong khoảng 1789-1792. Phải chăng là thời đó từ cổ “trất” đã bắt đầu hiếm dùng, nhất là với những người ở miền Trung (kinh đô Huế), nên giai đoạn Nguyễn Du làm việc ở kinh đô Huế (khoảng 1807-1820), đã sửa trất 窒 ra cực 極. Như phân tích từ trật cực ở bản Pháp bảo đàn kinh giải đã nêu ở trên thì ý nghĩa hai từ gần như nhau, nhưng từ cực phổ thông hơn và vẫn được dùng đến ngày nay.



Các bản Kiều LNP 1870, KOM 1902 thuộc hệ “Kinh bản” nên đã theo sửa chữa này, tức dùng chữ cực nghĩa tương đương trất, việc một số nhà nghiên cứu “chê bai” Kinh bản vì đã sửa nguyên tác của Nguyễn Du là một định kiến sai lầm vì họ hoàn toàn không nghĩ đến khả năng chính Nguyễn Du đã sửa Truyện Kiều

trong giai đoạn làm việc ở kinh đô.

Bình luận thêm

Trong tiếng Việt có từ trầy trật, thường nói về sự khó khăn vất vả, phải trải qua nhiều thất bại, khi làm một việc nào đó. Từ này gợi ý đến các từ “trầy da”, “trật xương” có thể hiểu là “gian khó” (khi làm các việc chân tay), xem ra cũng có lý, nhưng ý nghĩa không trực tiếp liên quan tới “gian khó”.

Việc tìm được từ trật cực trong Pháp bảo đàn kinh giải, mở ra một hướng giải thích mới, có thể trầy trật là một từ láy âm cuối -i hay -y với -t, trong tiếng Việt có một số ví dụ tương tự như “cười cợt”, “hời hợt”, “lay lắt”, “quay quắt”... còn về nghĩa thì trầy trật theo nghĩa của chữ trật hay trất, là gian khó. Bậc thầy ngôn ngữ học là Gs Nguyễn Tài Cẩn, mặc dù chỉ thông qua các lập luận gián tiếp, nhưng đã xử lý đúng khi giữ nguyên âm chữ “trất” ở câu 898 trong công trình phục nguyên bản thảo Truyện Kiều của mình.

Tác giả: **NNC Phan Anh Dũng** - Trung tâm Tư liệu Phật giáo Việt Nam

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Chú thích:

(1) <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/van-ban-nom-ly-su-dung-thong-trong-bo-moc-ban-chua-hoe-nhai.html>

(2) <https://tapchinghiencuuphathoc.vn/khao-sat-phap-bao-dan-kinh-giai-o-chua-linh-quang-dieu-ha-hai-phong.html>

(3) <https://nomfoundation.org/nom-project/tale-of-kieu>

(4) Thử tra Google thì AI của Google đưa ra một loạt từ đồng nghĩa của gian tân là gian khổ, khốn khổ, gian nan, tân khổ, lao khổ...